

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM**

(Ngày 21 tháng 11 năm 2024)

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Phòng Quốc Tuấn Ngày tháng năm sinh: 19/6/1987

- Chức vụ/chức danh công tác: Phó Hiệu trưởng

- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi

- Nơi thường trú: 74/60 Bùi Quang Là, Phường 12, Quận Gò Vấp

- Số Căn cước công dân: 079087027243 ngày cấp: 22/11/2021 nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập: Không có.

- Họ và tên: ..... Ngày tháng năm sinh: .....

- Nghề nghiệp: .....

- Nơi làm việc: .....

- Nơi thường trú: .....

- Số Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân: ..... ngày cấp ..... nơi cấp .....

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật): Không có.

3.1 Con thứ nhất:

- Họ và tên: ..... Ngày tháng năm sinh: .....

- Nơi thường trú: .....

- Số Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân: ..... ngày cấp... nơi cấp.....

3.2 Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất

**II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN**

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất:

1.1. Đất ở: Không có.

1.1.1. Thừa thừa nhất:

- Địa chỉ: .....
- Diện tích: .....
- Giá trị: .....
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: .....
- Thông tin khác (nếu có): .....

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác: Không có.

1.2.1. Thừa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ: .....
- Diện tích: .....
- Giá trị: .....
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: .....
- Thông tin khác (nếu có): .....

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: 8.23 Chung cư Thạnh Lộc, Khu phố 3C, Phường Thạnh Lộc, Q.12
- Loại nhà: Nhà chung cư - Cấp công trình: Cấp 2
- Diện tích sử dụng: 46m<sup>2</sup>
- Giá trị: 471.094.050 đồng
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Chưa có giấy chứng nhận quyền sở hữu (Hợp đồng mua bán căn hộ thu nhập thấp dự án Chung cư Thạnh Lộc số L2.A2.0805 ngày 10/10/2014 giữa Hợp tác xã Gia Phú – Chi nhánh Thạnh Lộc và Ông Phòng Quốc Tuấn).
- Thông tin khác (nếu có): Sử dụng để ở.

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác: Không có.

2.2.1. Công trình thứ nhất:

7

- Tên công trình:..... Địa chỉ: .....
- Loại công trình:..... Cấp công trình: .....
- Diện tích: .....
- Giá trị: .....
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....
- Thông tin khác (nếu có): .....

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất: Không có.

3.1. Cây lâu năm: Không có.

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị: .....
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

3.2. Rừng sản xuất: Không có.

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị: .....
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị: .....

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: Không có.

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị: .....
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: Không có.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên:

- Tiền gửi 100.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh 2 TPHCM, PGD Nguyễn Thái Sơn (Số sổ: CA10345536, số tài khoản: 229015535169): Giữ hộ cho bà ngoại là Bà Nguyễn Thị Lan.
- Tiền gửi 100.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn, chi nhánh Gia Định, PGD Nguyễn Thái Sơn (Số sổ: SB 4586178, số tài khoản: 40870170005): Giữ hộ cho bà ngoại là Bà Nguyễn Thị Lan.
- Tiền gửi 100.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín, chi nhánh Gò Vấp,

PGD Nguyễn Thái Sơn (Số sổ: CU 648315, số tài khoản: 060293843001): Giữ hộ cho bà ngoại là Bà Nguyễn Thị Lan.

- Tiền gửi 100.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín, chi nhánh Gò Vấp, PGD Nguyễn Thái Sơn (Số sổ: CU 649281, số tài khoản: 060300130189): Giữ hộ cho bà ngoại là Bà Nguyễn Thị Lan.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không có.

6.1. Cổ phiếu: Không có.

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.2. Trái phiếu: Không có.

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.3. Vốn góp: Không có.

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác: Không có.

- Tên giấy tờ có giá: ..... Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...):

- Tên tài sản: Xe gắn máy SH Mode Số đăng ký: 59V1-17042 Giá trị: 73.000.000 đồng.

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác): Không có.

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

8. Tài sản ở nước ngoài: Không có.

9. Tài khoản ở nước ngoài: Không có.

- Tên chủ tài khoản: ....., số tài khoản: .....

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản: .....

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai: 278.581.593 đồng

- Tổng thu nhập của người kê khai: 278.581.593 đồng

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): Không có.

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không có.

- Tổng các khoản thu nhập chung: Không có.

**III. BIÊN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM** (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này): .....

| Loại tài sản, thu nhập                                                                                                                                                                                | Tăng /giảm       |                           | Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|---------------------------|----------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                                                                                                                       | Số lượng tài sản | Giá trị tài sản, thu nhập |                                                                      |
| 1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất                                                                                                                                                                  |                  |                           |                                                                      |
| 1.1. Đất ở                                                                                                                                                                                            |                  |                           |                                                                      |
| 1.2. Các loại đất khác                                                                                                                                                                                |                  |                           |                                                                      |
| 2. Nhà ở, công trình xây dựng                                                                                                                                                                         |                  |                           |                                                                      |
| 2.1. Nhà ở                                                                                                                                                                                            |                  |                           |                                                                      |
| 2.2. Công trình xây dựng khác                                                                                                                                                                         |                  |                           |                                                                      |
| 3. Tài sản khác gắn liền với đất                                                                                                                                                                      |                  |                           |                                                                      |
| 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất                                                                                                                                                                       |                  |                           |                                                                      |
| 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất                                                                                                                                                                   |                  |                           |                                                                      |
| 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên                                                                                                |                  |                           |                                                                      |
| 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. |                  |                           |                                                                      |

7

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |  |                    |                                                                                                                                                                                                               |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p> <p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai.</p> |  |                    |                                                                                                                                                                                                               |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |  | + 278.581.593 đồng | Lương, các khoản phụ cấp, phụ trội tiết dạy và dạy học sinh hòa nhập, thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 08, phục vụ bán trú, khen thưởng thi đua theo quý và lễ tết, chia tăng thu nhập của trường năm 2023. |

Gò Vấp, ngày 02 tháng 11 năm 2024

**NGƯỜI NHẬN BÀN KÊ KHAI**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

P. CHÁNH THANH TRÀ

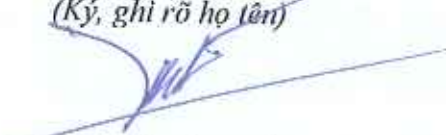


**Nguyễn Hữu Cường**

Gò Vấp, ngày 28 tháng 11 năm 2024

**NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN**

(Ký, ghi rõ họ tên)



**Phòng Quốc Tuấn**